

Bản án số: 63/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 20/9/2017

*“V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG - TỈNH BẠC LIÊU**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Đang.***

***Các Hội thẩm nhân dân:***

- 1. Ông Trần Thanh Tuấn.**
- 2. Bà Nguyễn Hồng Lành.**

***Thư ký Tòa án: Ông Ngô Văn Trường -*** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long: Ông Trương Quốc Tuấn –*** Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 20 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 90/2017/TLST – HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2017, về việc: *“Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2017/QĐXX-ST ngày 15 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 91/2017/QĐTS-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn: Anh Phan VĐ -*** sinh năm 1982; Địa chỉ: Ấp Huê IIA, xã Vĩnh Thanh, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

***Bị đơn: Chị Dương T.N -*** sinh năm 1985; Địa chỉ: Ấp Huê IIA, xã Vĩnh Thanh, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Anh Đ có đơn yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa. Chị N vắng mặt tại phiên tòa không lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

\* Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 5 năm 2017 và các lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn anh Phan VĐ trình bày và yêu cầu:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ và chị N sống chung từ năm 2004, hôn nhân tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do có nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống nên đã ly thân, chị N đã bỏ nhà và địa phương đi, anh Đ không biết chị N đi đâu, hiện tại anh Đ không còn tình cảm với chị N nên yêu cầu được ly hôn chị N.

- Về con: Anh Đ và chị N có 03 người con chung tên Phan M.C sinh ngày 29 tháng 3 năm 2004, Phan M.Ch sinh ngày 29 tháng 7 năm 2008 và Phan Minh Ch sinh ngày 28 tháng 4 năm 2016. Cháu M.C và cháu M.Ch sống chung anh Đ, còn cháu Minh.Ch đang sống chung chị N.

Anh Đ đồng ý tiếp tục nuôi cháu M.C và cháu M.Ch, riêng cháu Minh.Ch đang sống chung chị N nên đồng ý giao chị N nuôi. Không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Đ xác định anh và chị N không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

\* Chị Dương T.N không còn sinh sống tại địa phương, đã được thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết công khai văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về yêu cầu của anh Đ đối với chị N, nhưng chị N vắng mặt và cũng không có nộp cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của chị N đối với yêu cầu của anh Đ.

#### **\* Ý kiến của Kiểm sát viên:**

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán kể từ khi thụ lý vụ án đến khi ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Đối với Hội đồng xét xử tính từ thời điểm bắt đầu phiên tòa cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại khoản 15 và 16 Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình anh Phan VĐ được ly hôn chị Dương T.N.

+ Về con chung: Giao cháu Phan M.C và cháu Phan Minh Ch cho anh Đ tiếp tục nuôi, giao cháu Phan M.Ch cho chị N nuôi.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Anh Đ xác định anh và chị N không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

#### **\* Các tình tiết của vụ án:**

- Anh Đ và chị N sống chung từ năm 2004, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do có nhiều mâu thuẫn nên đã ly thân nhau, chị N đã bỏ nhà và địa phương đi, anh Đ không biết chị N đi đâu, hiện tại anh Đ không còn tình cảm với chị N.

- Anh Đ và chị N có 03 người con chung tên Phan M.C sinh ngày 29 tháng 3 năm 2004, Phan M.Ch sinh ngày 29 tháng 7 năm 2008 và Phan Minh Ch sinh ngày 28 tháng 4 năm 2016. Cháu M.C và cháu M.Ch sống chung anh Đ, còn cháu Minh.Ch đang sống chung chị N..

- Anh Đ và chị N không có tài sản chung và không có nợ chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án dân sự: Anh Phan VĐ yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn chị Dương T.N, được Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý - giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; Đ a khoản 1 Điều 35 và Đ a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Do anh Đ có đơn yêu cầu được vắng mặt và chị N vắng mặt lần thứ hai không lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Đ và chị N trong vụ án này.

[3] Xét yêu cầu của anh Đ về hôn nhân: Anh Đ và chị N tự nguyện sống chung như vợ chồng từ năm 2004, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Do trong thời gian chung sống chị N và anh Đ có nhiều mâu thuẫn, nhiều bất đồng trong cuộc sống dẫn đến ly thân, hiện tại chị N không còn ở địa phương và anh Đ đã không còn tình cảm với chị N nên yêu cầu được ly hôn chị N. Tòa án đã thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng để chị N biết việc anh Đ yêu cầu đối với chị N, đồng thời đã niêm yết công khai các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật, nhưng chị N không đến theo giấy triệu tập của Tòa án; Điều này chứng tỏ chị N đã bỏ mặc mối quan hệ hôn nhân giữa chị và anh Đ, không mong muốn tiếp tục hôn nhân với anh Đ, hiện tại anh Đ cũng không còn tình cảm với chị N, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho anh Đ ly hôn chị N.

[4] Xét về con chung: Anh Đ và chị N không tranh chấp nuôi con chung chưa thành niên, chị N thì vắng mặt và cũng không nộp cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của chị N về con chung. Hiện tại cháu Phan M.C và Phan Minh M.Ch sống chung anh Đ, anh Đ đồng ý tiếp tục nuôi cháu M.C và cháu M.Ch, nên Hội đồng xét xử giao cháu M.C và cháu M.Ch cho anh Đ tiếp tục nuôi. Riêng cháu Minh.Ch đang sống chung chị N và anh Đ cũng đồng ý giao cháu cho chị N nuôi, nên Hội đồng xét xử giao cháu Minh.Ch cho chị N tiếp tục nuôi. Chị N và anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở. Do đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Do anh Đ và chị N không có tài sản chung và không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí trong vụ án: Anh Đ phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị N không phải chịu án phí.

[7] Về chi phí tố tụng anh Đ tự nguyện chịu.

[8] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về thủ tục tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án là đúng, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[9] Các đương sự có quyền kháng cáo và Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị Bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

- Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 217, 218, 227, 228, 244, 246, 271, 273, 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 8; 9; 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình được sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

### ***Tuyên xử:***

**1. Về hôn nhân:** Cho ly hôn giữa anh Phan VĐ và chị Dương T.N.

**2. Về nuôi con chung:**

- Đình chỉ một phần yêu cầu nuôi con chung của anh Đ đối với cháu Phan M.Ch.

- Giao cháu Phan M.C sinh ngày 29 tháng 3 năm 2004 và Phan Minh Ch sinh ngày 28 tháng 4 năm 2016 cho anh Đ tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng.

- Giao cháu Phan M.Ch sinh ngày 29 tháng 7 năm 2008 cho chị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng.

- Anh Đ và chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

**3. Về tài sản chung và nợ chung:** Anh Đ và chị N không có tài chung và không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

**4. Về án phí:** Buộc anh Đ phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ. Anh Đ đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0009802 ngày 08 tháng 5 năm 2017, được chuyển thu án phí 300.000đ.

**5. Về chi phí tố tụng:** Anh Đ tự nguyện chịu chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, anh Đ đã nộp xong số tiền là 2.905.000đ và chi hết cho việc thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.

*“Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết Bản án. Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị Bản án theo quy định của pháp luật./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận**

- VKSND huyện Phước Long;
- Các đương sự;
- UBND xã Vĩnh Thanh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Phan Thị Đang**